

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 347 /CNPĐ-TM

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2026

V/v mời báo giá gói thầu TB2026-SCĐK-005
“Mua sắm vật tư dự phòng rủi ro, thay thế
phục vụ BDSC định kỳ năm
2026 cho các hệ thống ESP, FGD, Thải xỉ -
NMNĐ Thái Bình 2” (lần 2)

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí (Chi nhánh) đang có nhu cầu mua sắm vật tư dự phòng rủi ro, thay thế phục vụ Bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2026 cho các hệ thống ESP, FGD, thải xỉ của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Chi nhánh kính mời các Quý Công ty có năng lực kinh nghiệm trong việc cung cấp các vật tư dự phòng rủi ro, thay thế cho các hệ thống ESP, FGD, thải xỉ phục vụ vận hành các Nhà máy công nghiệp quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Danh mục hàng hóa vật tư cần mua sắm như *Phụ lục 1 đính kèm*;
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất. Hàng hóa có đầy đủ CO (nếu là hàng nhập khẩu) và CQ.
- Tiến độ cung cấp: Thời điểm sử dụng 15/07/2026.
- Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 14h00 ngày 25/02/2026.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý Công ty như *Phụ lục 2 đính kèm*.
- Phương thức gửi báo giá: Các đơn vị gửi báo giá (file scan, có ký tên, đóng dấu đỏ bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý công ty như Phụ lục biểu chào giá đính kèm) qua thư điện tử theo các địa chỉ email: nhanbaogia.hn@pvpgb.vn; thuonghth@pvpgb.vn.
- ✓ Thông tin liên hệ nhận báo giá: Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ Bà Hoàng Thị Hồng Thương – Phòng Thương mại, Tel: 0969294998.

Chi nhánh cảm ơn sự hợp tác và rất mong nhận được báo giá của Quý Công ty.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PGĐ CN (e-copy);
- Lưu: VT, TM (H.T.H.T).

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Phạm vi công việc.
- Phụ lục 2: Biểu chào giá.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
CHI NHÁNH
PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA
VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bà Thị Thu Hương





Phụ lục: Phạm vi công việc TB2026-SCĐK-005 Mua sắm vật tư dự phòng rủi ro, thay thế phục vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2026 cho các hệ thống ESP, FGD, Thái xi - Nhà Nhiệt điện Thái Bình 2

Stt	Mã hàng mục	Hệ thống/ Thiết bị	Mã chuẩn hóa	Tên vật tư/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng			Bản vẽ tham chiếu	Nhà sản xuất
							Thay thế	Dự phòng rủi ro	Tổng cộng		
1	S1.1.9-01-02 S2.1.9-01-02	Búa gỗ CE và gối đỡ trục	50409131	CE Bearing	Cum chi tiết số 6	Bộ	0,00	32,00	32,00	TB2-SDC.VP126-00HDE-M-M9-DRD-4140-01	Hamon Korea
2	S1.1.9-01-04	Hộp giảm tốc giảm búa gỗ	51712099	Khop nối giữa hộp giảm tốc và trục búa CE	Chi tiết số 7 (HE-STD-4100-014)	Bộ	0,00	3,00	3,00	TB2-SDC.VP126-00HDE-M-M9-DRD-4150 RevB	Hamon (Korea)
3	S2.1.10.1-01-01 DC.48.3-01-02	Bơm bùn đá với AI Bơm tuần hoàn bùn đá với AI/2	48521169	Vành chặn cơ khí	No. 433	Bộ	3,00	0,00	3,00	TB2-SDC.VP101-00HTL-M-M10-MAN-0001 Rev.0 (trang 32)	ANDRITZ
4	S2.1.10.5-01-01	Bộ sấy khô GGH	50409130	Bộ vòng bi hộp giảm tốc (bao gồm vòng bi + Phốt làm kín)	Model: G33-250 Nhà sản xuất HGT: Bauer	Bộ	0,00	1,00	1,00	TB2-SDC.VP101-00HTB-M-M10-SPC-7001 (trang 10/12)	Bauer
5	S2.1.10.7-01-01	Máy khuấy tháp hấp thụ A/B/C/D	48521089	Mechanical Seals Type TDSL-80	Model: TDSL-80	Bộ	2,00	0,00	2,00	TB2-SDC.VP101-00HTD-M-M10-MAN-0002 (trang 24/151)	TSCHAMPER MUT-MISC UND TRENNTECHNIK
6	S2.1.10.7-01-02	Bơm chuyển bùn thạch cao A/B	48521172	Vành chặn cơ khí	vành chặn cơ khí cho bơm có Model: LCF100/350L	Cái	2,00	0,00	2,00	TB2-SDC.VP101-00HTL-M-M10-SPC-7001	XiangYang Wu Er Wu Pump Industry Co.,Ltd
9	S2.1.11.2-01-04	Bảng tải xi	24235019	PLATE TYPE B	W0800400310013	Cái	10,00	0,00	10,00	TB2-SDC.VP101-00100-M-M12-DSU-0221 Rev0	GUANGDONG
10	S2.1.11.2-01-04	Bảng tải xi	24235020	PLATE TYPE A	W0800400310016	Cái	8,00	0,00	8,00	TB2-SDC.VP101-00100-M-M12-DSU-0221 Rev0	GUANGDONG
15	S2.1.11.2-01-04	Bảng tải xi	50879088	Conveying Upper Roller Bearing	B0203001800150	Bộ	0,00	2,00	2,00	TB2-SDC.VP101-00100-M-M12-DSU-0221 Rev0	GUANGDONG
16	S2.1.11.2-01-05	Bảng tải làm sạch	48830015	Cao su Bảng Tải làm sạch	KT: 1200mmx93mmx10mm	Cái	0,00	145,00	145,00	Kích thước thực tế	
17	S2.1.11.2-01-05	Bảng tải làm sạch	83424011	SCRAP CHAIN UNIT	Part No: B0203001800120	Mét	20,00	0,00	20,00	TB2-SDC.VP101-00100-M-M12-DSU-0219 TB2-SDC.VP101-00100-M-M12-DAS-0003 Rev0	Guangdong / Qingdao Sizhou Electric Power Equipment co.,Ltd
19	S2.1.11.2-01-05	Bảng tải làm sạch	50879086	SCRAP CHAIN roller	Part No: B0203001800190	Bộ	20,00	0,00	20,00	TB2-SDC.VP101-00100-M-M12-DSU-0221 TB2-SDC.VP101-00100-M-M12-DAS-0003 Rev0	Guangdong / Qingdao Sizhou Electric Power Equipment co.,Ltd
20	S2.1.11.2-01-06 S2.1.11.2-01-07	Máy nghiền xi thổ A	54201062	Modul ép trục	AA208H	Cái	5,00	2,00	7,00	Theo Báo cáo khảo sát của NSX: S/N 21483-21486	Williams Patent Crusher & Pulverizer Company
21	S2.1.11.2-01-06 S2.1.11.2-01-07	Máy nghiền xi thổ A	24401008	Tấm nghiền	AA209H	Cái	1,00	1,00	2,00	Theo Báo cáo khảo sát của NSX: S/N 21483-21486	Williams Patent Crusher & Pulverizer Company
22	S2.1.11.2-01-06 S2.1.11.2-01-07	Máy nghiền xi thổ A Máy nghiền xi thổ B	24401009	Tấm nghiền liệu	AA140H	Cái	2,00	1,00	3,00	Theo Báo cáo khảo sát của NSX: S/N 21483-21486	Williams Patent Crusher & Pulverizer Company
23	S2.1.11.2-01-06 S2.1.11.2-01-07	Máy nghiền xi thổ A Máy nghiền xi thổ B	24435081	Tấm ép	E14139.036	Cái	2,00	1,00	3,00	Theo Báo cáo khảo sát của NSX: S/N 21483-21486	Williams Patent Crusher & Pulverizer Company
24	S2.1.11.2-01-06 S2.1.11.2-01-07	Máy nghiền xi thổ A Máy nghiền xi thổ B	24435075	Tấm ép	E14139.037	Cái	2,00	1,00	3,00	Theo Báo cáo khảo sát của NSX: S/N 21483-21486	Williams Patent Crusher & Pulverizer Company



Stt	Mã hàng mục	Hệ thống/ Thiết bị	Mã chuẩn hóa	Tên vật tư/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng			Bản vẽ tham chiếu	Nhà sản xuất
							Thay thế	Dự phòng rủi ro	Tổng cộng		
25	S2.1.11.2-01-06 S2.1.11.2-01-07	Máy nghiền xi thô A Máy nghiền xi thô B	24435082	Tấm ốp	E14139.038	Cái	2,00	1,00	3,00	Theo Bảo cáo khảo sát của NSX: S/N 21483-21486	Williams Patent Crusher & Pulverizer Company
26	S2.1.11.2-01-06 S2.1.11.2-01-07	Máy nghiền xi thô A Máy nghiền xi thô B	50409132	Gối đỡ trục mở 5"	61E15867	Cái	1,00	1,00	2,00	Theo Bảo cáo khảo sát của NSX: S/N 21483-21486	Williams Patent Crusher & Pulverizer Company
27	S2.1.11.2-01-06 S2.1.11.2-01-07	Máy nghiền xi thô A Máy nghiền xi thô B	50409133	Gối đỡ trục mở 5"	61E15869	Cái	2,00	0,00	2,00	Theo Bảo cáo khảo sát của NSX: S/N 21483-21486	Williams Patent Crusher & Pulverizer Company
28	S2.1.11.2-01-08 S2.1.11.2-01-09	Máy nghiền xi tinh A Máy nghiền xi tinh B	54201060	Trục nghiền	E204-0053-000D	Cái	1,00	1,00	2,00	TB2-SDC.VP101-00100-M-M12-MAN-9064 Rev.1 (Trang 60/126)	Gundlack
29	S2.1.11.2-01-08 S2.1.11.2-01-09	Máy nghiền xi tinh A	54201061	Trục nghiền	E204-0003-000D	Cái	1,00	1,00	2,00	TB2-SDC.VP101-00100-M-M12-MAN-9064 Rev.1 (Trang 61/126)	Gundlack
30	S2.1.11.2-01-08 S2.1.11.2-01-09	Máy nghiền xi tinh A	83424008	Xích điều chỉnh (Adjustment Chain) (Cho hệ thống điều chỉnh thì công, cỡ 2040 [36])	59P1421	Bộ	4,00	0,00	4,00	TB2-SDC.VP101-00100-M-M12-MAN-9063 Rev.1 (trang 32/126)	Gundlack

PHỤ LỤC 2: BIỂU CHÀO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (trước thuế) VNĐ	Thành tiền (trước thuế) VNĐ
1	Mua sắm vật tư dự phòng rủi ro, thay thế phục vụ BDSC định kỳ năm 2026 cho các hệ thống ESP, FGD, Thải xỉ - NMNĐ Thái Bình 2					
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ					
	CÁC LOẠI THUẾ, PHÍ CÓ LIÊN QUAN					
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ					

(Bằng chữ: đồng)

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày gửi báo giá.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ký tên, đóng dấu)

